

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÙ
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HS-ST

Ngày 15 - 02 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Dũng và bà Bùi Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2022/TLST-HS ngày 23/12/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HS ngày 31/01/2023 đối với bị cáo:

Phạm Đức T, sinh năm 1993 tại N, P, Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn N1, xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha đẻ không xác định và con bà Phạm Thị H; có vợ là Dương Diệu L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày 06/11/2022; tạm giam ngày 09/11/2022; bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

- Bị hại: Anh Nguyễn Hữu H1 (tên gọi khác là: Đ), sinh năm 1991; Trú tại: Thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

- Người có quyền lợi liên quan vụ án:

Anh Cao Văn P, sinh năm 1989 tại xã D, huyện D1, tỉnh Nghệ An;

Và chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1991 tại thôn Y, xã T2, huyện T3, tỉnh Thanh Hóa (anh P và chị T1 là vợ chồng);

Đều tạm trú tại: Thôn L1, xã L2, huyện Y, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Đăng T4, sinh năm 1984;

Trú tại: Thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 06/11/2022, Phạm Đức T, sinh năm 1993 trú tại thôn N1, xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu vàng đen, biển kiểm soát 36E1- 022.21 đi từ phòng trọ ở xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên về cửa hàng tạp hóa H C 1 ở thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên với mục đích cướp tài sản (tiền) của cửa hàng. Khi đi, T mang theo 01 con dao loại dao tự chế bằng kim loại có chiều dài 23cm, một đầu được mài nhọn, phần chuôi dao quấn băng dính màu đen. Trên đường đi, T vào quán tạp hóa ở ven đường mua 01 khẩu súng bằng nhựa màu đen (loại súng đồ chơi) rồi cất giấu dao, súng vào trong người và đi về cửa hàng H C 1, đến khoảng 20 giờ 20 phút T đi xe mô tô về đến cửa hàng H C 1. Lúc này trong cửa hàng H C 1 có anh Nguyễn Hữu H1 là chủ cửa hàng đang trông coi, bán hàng. T dựng xe mô tô ở ngoài cửa rồi đi vào trong cửa hàng gặp anh H1 và giả vờ hỏi mua sữa bột cho trẻ con thì được anh H1 dẫn vào khu vực bày bán sữa giới thiệu, tư vấn cho T chọn lựa một số loại sữa. Khi anh H1 đang tư vấn sữa cho T thì T cho tay phải vào trước bụng phía bên trong áo khoác đang mặc rút khẩu súng đe dọa anh H1 để anh H1 phải đưa tiền cho T, khi anh H1 nhìn thấy T rút súng nên sợ hãi và bỏ chạy ra ngoài cửa thì T đuổi theo tay phải T vẫn cầm khẩu súng, dùng tay còn lại kéo, lôi đuôi áo anh H1 lại nhưng anh H1 vùng chạy ra được đến cửa, đồng thời hô hoán mọi người. Tại cửa hàng, anh H1 giằng co với T làm khẩu súng rơi xuống đất và anh H1 cùng một số người dân không chế thì T rút con dao đang dắt ở cạp quần phía sau lưng ra chống trả nhằm bỏ chạy nhưng T đã bị anh H1 và một số người dân ở đó khống chế và bị Công an huyện Phù Cừ kịp thời có mặt bắt quả tang, thu giữ của T 01 con dao tự chế có chiều dài 23cm chuôi dao được quấn băng dính đen, 01 khẩu súng bằng nhựa màu đen và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu vàng đen, biển kiểm soát 36E1- 022.21.

Ngày 07/11/2022, anh Nguyễn Hữu H1 giao nộp cho cơ quan điều tra 01 USB có chứa file video ghi lại hình ảnh T đến cửa hàng H C 1 của anh H để cướp tiền.

Tại bản kết luận giám định số: 242/KL-KTHS ngày 23/11/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Khẩu súng có ký hiệu “PENGSHEUNG” (thu giữ của T) gửi giám định là súng bắn đạn nhựa dựa trên cơ nén của lò xo, không thuộc vũ khí, là súng đồ chơi.

Về vật chứng thu giữ xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu vàng đen, biển số 36E1- 022.21, kết quả điều tra xác định chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1991, tạm trú ở xã L2, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; chồng chị T1 là anh Cao Văn P, sinh năm 1989, tạm trú ở xã L2, huyện Y, tỉnh Hưng Yên cho Phạm Đức T mượn để làm phương tiện đi lại làm việc (T làm thuê cho anh P). Phạm Đức T sử dụng xe mô tô trên để đi cướp tài sản anh P và chị T1 hoàn toàn không biết nên không xem xét xử lý. Con dao tự chế do T được một người bạn làm cùng cho T từ lâu, T không biết nhân thân, lai lịch của người đó nên không xác minh được. Khẩu súng nhựa do T mua ở cửa hàng tạp hóa nhưng không nhớ địa chỉ cửa hàng mua nên cơ quan điều tra không xác minh được. 01 USB do anh H1 giao nộp chứng cứ hiện đang bảo quản tại hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Hữu H1 không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại Cáo trạng số: 02/CT-VKSPC ngày 22/12/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên truy tố Phạm Đức T về Tội cướp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố hành vi phạm tội của bị cáo T theo nội cáo trạng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điều 106, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử phạt bị cáo Phạm Đức T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo T. Vật chứng: Đề nghị tịch thu cho tiêu hủy 01 con dao tự chế bằng kim loại màu đen cũ và 01 khẩu súng bằng nhựa màu đen có ký hiệu “PENGENG” trong hộp niêm phong; trả lại cho vợ chồng anh Cao Văn P và chị Nguyễn Thị T1 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu vàng đen, biển số 36E1- 022.21 đã cũ. Buộc bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phạm Đức T nhận tội, khai báo thành khẩn diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ truy tố theo nội dung cáo trạng. Bị cáo T đã nhận thức rõ sai phạm của bản thân, rất ân hận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình khó khăn để giảm hình phạt cho bị cáo ở mức án thấp nhất, tạo điều kiện cho bị cáo phấn đấu cải tạo tốt, sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Cừ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng, đầy đủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của Phạm Đức T tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trước cơ quan điều tra, đồng thời phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Các chứng cứ đó là: Đơn tố cáo và lời khai của bị hại anh Nguyễn Hữu H1 (Đ), lời khai của người có quyền lợi liên quan anh Cao Văn P và chị Nguyễn Thị T1 và lời khai của người làm chứng anh Nguyễn Đăng T4; các dấu vết để lại tại hiện trường thể hiện trong biên bản khám nghiệm, sơ đồ, bản ảnh hiện trường; các vật chứng được thu giữ gồm súng nhựa, dao, xe mô tô và kết luận giám định đối với khẩu súng thu giữ; USB dữ liệu hình ảnh của Camera giám sát tại cửa hàng H C 1 do bị hại anh H1 cung cấp; cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã có

đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 20 giờ 20 phút, tại cửa hàng H C 1 ở thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên bị cáo Phạm Đức T đã có hành vi dùng súng (kết quả giám định là súng nhựa) đe dọa sử dụng vũ lực ngay tức khắc đối với bị hại anh Nguyễn Hữu H1 là chủ cửa hàng H C 1 nhằm chiếm đoạt tài sản (tiền), nhưng T đã bị anh H1 phát hiện sợ hãi bỏ chạy, còn T tay vẫn cầm súng đuổi theo để tóm áo, lôi kéo anh H1 lại. Do anh H1 vừa chạy vừa kêu cứu, nên được người dân hỗ trợ khống chế T và kịp thời báo Công an huyện Phù Cừ và Công an thị trấn Trần Cao đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng của T gồm: Khẩu súng, con dao và chiếc xe mô tô do T đi đến cửa hàng H C 1.

Bị cáo Phạm Đức T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo dùng súng đe dọa sử dụng ngay tức khắc vũ lực đối với bị hại để nhằm chiếm đoạt tài sản của gia đình anh H1, làm cho anh H1 khi nhìn thấy T rút súng đã sợ hãi bỏ chạy ra ngoài hô hoán và cùng một số người dân khống chế làm T rơi súng. Trong lúc bị khống chế thì T tiếp tục rút con dao tự chế cất giấu trong người ra chống trả nhằm bỏ chạy nhưng không thoát. Hành vi của T sử dụng khẩu súng đe dọa sẽ dùng vũ lực ngay tức khắc đối với bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Hữu H1 tuy chưa chiếm đoạt được tài sản và chưa gây thiệt hại về tài sản, sức khỏe của bị hại nhưng bị cáo T thực hiện tội phạm này có cấu thành hình thức, nên bị cáo T thực hiện tội phạm đã hoàn thành, vì trước đó bị cáo đã có ý thức nhằm chiếm đoạt tài sản (tiền) của cửa hàng H C 1, nên đã chuẩn bị công cụ, phương tiện là súng, tuy là súng nhựa nhưng trong điều kiện đêm tối, tại cửa hàng H C 1 bị hại chỉ có một mình anh H1, nên bản thân bị hại và những người khác không thể nào xác định được đó là súng thật hay súng giả; với tính năng tác dụng của súng càng làm tăng tính chất, mức độ nguy hiểm của công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện tội phạm. Việc bị cáo T chưa chiếm đoạt được tài sản của bị hại nằm ngoài ý chí của bị cáo, do bị hại sợ hãi bỏ chạy, kêu cứu để mọi người hỗ trợ khống chế bị cáo và báo Công an huyện Phù Cừ và Công an thị trấn Trần Cao kịp thời có mặt bắt Phạm Đức T phạm tội quả tang. Hành vi của Phạm Đức T thực hiện như phân tích đã có đủ dấu hiệu cấu thành Tội cướp tài sản, theo quy định tại Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T phạm tội không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung hình phạt. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên truy tố Phạm Đức T về Tội cướp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là chính xác, có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

[3]. Xét hành vi phạm tội của Phạm Đức T là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã phạm tội rất nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây mất trật tự trị an xã hội và sự bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân tại địa phương. Bản thân bị cáo là thanh niên có sức khỏe nhưng không chịu lao động làm ăn chân chính, với động cơ vụ lợi bị cáo đã thực hiện tội phạm để nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ cho lợi ích riêng của mình. Vì vậy, cần phải xét xử nghiêm minh, áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra và cần cách ly

khỏi đời sống xã hội một thời gian cần thiết để trừng trị, cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và làm bài học răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Phạm Đức T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ: Phạm Đức T nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội bị bắt quả tang, quá trình điều tra và tại phiên tòa đều có khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối cải; bị cáo thực hiện tội phạm đã hoàn thành, nhưng thực tế chưa chiếm đoạt được tài sản của bị hại và người bị hại chưa bị thiệt hại gì về tài sản, sức khỏe; bị cáo có ông ngoại được tặng Huân chương kháng chiến; bản thân bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn mẹ đẻ bị cáo có đơn xin giảm án cho bị cáo được chính quyền địa phương xác nhận và bị hại trong đơn xin xét xử vắng mặt có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T. Do vậy, bị cáo T được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[6.]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo T không có việc làm ổn định, hoàn cảnh kinh tế, gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Hữu H1 không có yêu cầu, đề nghị gì về phần bồi thường dân sự, nên bản án không xem xét, giải quyết.

[8]. Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36E1- 022.21 nhãn hiệu SIRIUS màu vàng đen (xe cũ) là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị T1 do anh Cao Văn P chồng chị T1 là cho T mượn làm phương tiện đi lại trong thời gian lao động làm thuê cho anh P, cả anh P và chị T1 đều không biết việc T sử dụng xe mô tô trên đi thực hiện tội phạm, nên trả lại chiếc xe mô tô này cho chủ sở hữu hợp pháp.

- 01 con dao bằng kim loại, loại dao tự chế và 01 khẩu súng nhựa màu đen có ký hiệu “PENGSENG” (để trong hộp niêm phong do cơ quan giám định hoàn lại mẫu) là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, không có giá trị nên cần tịch thu cho tiêu hủy,

[9]. Về án phí: Bị cáo Phạm Đức T là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 168; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điều 106, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Đức T phạm Tội cướp tài sản.

Xử phạt bị cáo Phạm Đức T 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ là ngày 06/11/2022.

Biện pháp tư pháp:

- Trả lại chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1991 (chồng là anh Cao Văn P, sinh năm 1989); địa chỉ tạm trú: Thôn L1, xã L2, huyện Y, tỉnh Hưng Yên 01 xe mô tô biển kiểm soát 36E1- 022.21 nhãn hiệu SIRIUS màu vàng đen, (xe cũ).

- Tịch thu 01 con dao bằng kim loại, loại dao tự chế và 01 khẩu súng nhựa màu đen có ký hiệu “PENGSENG” (để trong hộp niêm phong do cơ quan giám định hoàn lại mẫu), cho tiêu hủy.

(Chi tiết về số lượng, chất lượng, đặc điểm, tình trạng vật chứng được mô tả cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/12/2022 giữa Công an huyện Phù Cừ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ).

Án phí: Bị cáo Phạm Đức T phải chịu 200.000đ, (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm xét xử công khai có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại và người có quyền lợi liên quan vụ án; đã báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị hại và người có quyền lợi liên quan vụ án biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo T;
- Bị hại và người có QLLQ;
- TAND tỉnh Hưng Yên (phòng KTNV);
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Phù Cừ;
- CQĐT & VP CA huyện Phù Cừ;
- Cơ quan THA hình sự & dân sự huyện Phù Cừ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Hiền